

Số: 4703/QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 30 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tặng Giấy khen sinh viên tốt nghiệp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng Trường Đại học Cần Thơ ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ; Nghị quyết số 181/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết 185/NQ – HĐT ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Quy định về công tác học vụ dành cho sinh viên trình độ đại học hệ chính quy, ban hành kèm theo Quyết định số 3266/QĐ-ĐHCT, ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ;

Theo đề nghị của Viện trưởng Viện Công nghệ Sinh học & Thực phẩm và Trưởng phòng Công tác Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng Giấy khen cho **115** sinh viên khóa 46, khóa 47 có tên sau đây thuộc Viện Công nghệ Sinh học & Thực phẩm, Trường Đại học Cần Thơ đạt thành tích sinh viên tốt nghiệp loại Xuất sắc, sinh viên tốt nghiệp loại Giỏi toàn khóa học 2020-2025, 2021-2025:

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Trường Đại học Cần Thơ; các Trưởng phòng: Công tác Sinh viên, Kế hoạch và Tài chính, Đào tạo; Viện trưởng Viện Công nghệ Sinh học & Thực phẩm và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VT, CTSV.

Trần Ngọc Hải

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC TẶNG GIẤY KHEN
(Kèm theo Quyết định số 4703/QĐ-ĐHCT, ngày 30/9/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

TT	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Điểm TB	XLHL	Điểm RL	XLRL
1	B2111147	Lê Ngọc Hạnh	23/05/2003	N	NN21U5A1	Công nghệ sau thu hoạch	3,77	Xuất sắc	86	Tốt
2	B2111158	Nguyễn Thị Hồng Minh	27/07/2003	N	NN21U5A1	Công nghệ sau thu hoạch	3,69	Xuất sắc	86	Tốt
3	B2111172	Trần Thị Diễm Thúy	22/02/2003	N	NN21U5A1	Công nghệ sau thu hoạch	3,58	Giỏi	82	Tốt
4	B2111169	Nguyễn Lê Ngọc Quý	06/06/2003		NN21U5A1	Công nghệ sau thu hoạch	3,53	Giỏi	82	Tốt
5	B2105005	Nguyễn Thị Hồng Điều	18/03/2003	N	NN21U5A1	Công nghệ sau thu hoạch	3,51	Giỏi	94	Xuất sắc
6	B2111167	Nguyễn Lâm Như	16/07/2003	N	NN21U5A1	Công nghệ sau thu hoạch	3,5	Giỏi	83	Tốt
7	B2105057	Lê Ngọc Cẩm Tiên	31/01/2003	N	NN21U5A1	Công nghệ sau thu hoạch	3,49	Giỏi	86	Tốt
8	B2111162	Trần Thị Kim Ngân	30/07/2003	N	NN21U5A1	Công nghệ sau thu hoạch	3,48	Giỏi	82	Tốt
9	B2111155	Lê Thị Ngọc Linh	02/04/2003	N	NN21U5A1	Công nghệ sau thu hoạch	3,45	Giỏi	81	Tốt
10	B2111173	Huỳnh Ngọc Thủy	14/08/2003	N	NN21U5A1	Công nghệ sau thu hoạch	3,43	Giỏi	85	Tốt
11	B2111176	Nguyễn Thị Huyền Trân	09/05/2003	N	NN21U5A1	Công nghệ sau thu hoạch	3,43	Giỏi	82	Tốt
12	B2111161	Tăng Thị Ngọc Mỹ	08/08/2003	N	NN21U5A1	Công nghệ sau thu hoạch	3,42	Giỏi	81	Tốt
13	B2111143	Nguyễn Thụy Quỳnh An	15/11/2003	N	NN21U5A1	Công nghệ sau thu hoạch	3,4	Giỏi	84	Tốt
14	B2111157	Nguyễn Thị Ngọc Lợi	27/05/2003	N	NN21U5A1	Công nghệ sau thu hoạch	3,4	Giỏi	83	Tốt
15	B2005025	Võ Thị Ngọc Trinh	09/02/2002	N	NN20U5A1	Công nghệ sau thu hoạch	3,39	Giỏi	89	Tốt
16	B2111154	Đặng Thị Cẩm Linh	09/04/2003	N	NN21U5A1	Công nghệ sau thu hoạch	3,38	Giỏi	86	Tốt
17	B2111180	Dương Phương Vy	03/12/2003	N	NN21U5A1	Công nghệ sau thu hoạch	3,33	Giỏi	86	Tốt
18	B2111156	Nguyễn Thị Kiều Loan	16/02/2003	N	NN21U5A1	Công nghệ sau thu hoạch	3,33	Giỏi	82	Tốt
19	B2105006	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	20/08/2003	N	NN21U5A1	Công nghệ sau thu hoạch	3,32	Giỏi	83	Tốt
20	B2111145	Lê Nguyệt Anh	06/08/2003	N	NN21U5A1	Công nghệ sau thu hoạch	3,31	Giỏi	81	Tốt
21	B2111181	Mai Tường Vy	26/08/2003	N	NN21U5A1	Công nghệ sau thu hoạch	3,3	Giỏi	85	Tốt
22	B2111163	Lê Bảo Ngọc	31/12/2003	N	NN21U5A1	Công nghệ sau thu hoạch	3,29	Giỏi	81	Tốt

TT	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Điểm TB	XLHL	Điểm RL	XLRL
23	B2105045	Nhan Ngọc Phương Quyên	10/10/2003	N	NN21U5A1	Công nghệ sau thu hoạch	3,28	Giỏi	82	Tốt
24	B2105000	Nguyễn Khánh Duyên	23/07/2003	N	NN21U5A1	Công nghệ sau thu hoạch	3,27	Giỏi	89	Tốt
25	B2105002	Phạm Thị Hồng Đào	04/02/2003	N	NN21U5A1	Công nghệ sau thu hoạch	3,22	Giỏi	91	Xuất sắc
26	B2111165	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	21/07/2003	N	NN21U5A1	Công nghệ sau thu hoạch	3,22	Giỏi	84	Tốt
27	B2111164	Nguyễn Kim Ngọc	25/06/2003	N	NN21U5A1	Công nghệ sau thu hoạch	3,2	Giỏi	80	Tốt
28	B2111171	Trần Thanh Thuý	01/07/2003	N	NN21U5A1	Công nghệ sau thu hoạch	3,2	Giỏi	80	Tốt
29	B2109185	Nguyễn Trung Khang	20/02/2003		DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,62	Xuất sắc	85	Tốt
30	B2202234	Âu Huỳnh Tuấn Kiệt	23/06/2004		DA2266A1	Công nghệ sinh học	3,61	Xuất sắc	94	Xuất sắc
31	B2202262	Nguyễn Minh Trọng	18/03/2004		DA2266A1	Công nghệ sinh học	3,61	Xuất sắc	89	Tốt
32	B2109219	Nguyễn Ngọc Khánh Trâm	26/09/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,34	Giỏi	80	Tốt
33	B2102219	Lâm Kim Ngân	12/11/2002	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,32	Giỏi	80	Tốt
34	B2109206	Lê Thành Quý	15/11/2003		DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,23	Giỏi	81	Tốt
35	B2102174	Trần Minh Đạt	25/09/2002		DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,21	Giỏi	80	Tốt
36	B2102394	Tô Thị Huyền Trân	16/03/2003	N	DA2166T1	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	3,8	Xuất sắc	96	Xuất sắc
37	B2102353	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	21/01/2003	N	DA2166T2	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	3,77	Xuất sắc	85	Tốt
38	B2103387	Huỳnh Kim Ngọc	25/11/2003	N	DA2166T2	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	3,7	Xuất sắc	94	Xuất sắc
39	B2102364	Trần Nguyễn Nhật Phương	31/03/2003		DA2166T1	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	3,7	Xuất sắc	87	Tốt
40	B2102393	Nguyễn Lưu Bảo Trân	05/11/2003	N	DA2166T2	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	3,54	Giỏi	86	Tốt
41	B2109279	Nguyễn Thái Bảo Trân	01/07/2003	N	DA2166T2	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	3,53	Giỏi	95	Xuất sắc
42	B2102317	Trần Khánh Hà	30/11/2003	N	DA2166T1	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	3,45	Giỏi	83	Tốt
43	B2102257	Nguyễn Trí Tài	24/06/2003		DA2166T1	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	3,43	Giỏi	95	Xuất sắc
44	B2109276	Nguyễn Anh Thư	28/04/2003	N	DA2166T2	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	3,21	Giỏi	84	Tốt

TT	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Điểm TB	XLHL	Điểm RL	XLRL
45	B2107458	Lưu Ngọc Thắm	01/03/2003	N	NN2108A3	Công nghệ thực phẩm	3,84	Xuất sắc	93	Xuất sắc
46	B2107450	Nguyễn Ngọc Nhân	24/01/2003		NN2108A3	Công nghệ thực phẩm	3,83	Xuất sắc	91	Xuất sắc
47	B2107369	Huỳnh Hoàng Bảo	07/05/2003		NN2108A1	Công nghệ thực phẩm	3,8	Xuất sắc	98	Xuất sắc
48	B2107372	Lâm Thị Cẩm Duyên	04/07/2003	N	NN2108A1	Công nghệ thực phẩm	3,79	Xuất sắc	90	Xuất sắc
49	B2107426	Lê Tấn Thiện	26/06/2003		NN2108A2	Công nghệ thực phẩm	3,79	Xuất sắc	90	Xuất sắc
50	B2107455	Võ Lê An Phụng	18/10/2003	N	NN2108A3	Công nghệ thực phẩm	3,77	Xuất sắc	95	Xuất sắc
51	B2100717	Phạm Kim Anh	19/02/2003	N	NN2108A2	Công nghệ thực phẩm	3,75	Xuất sắc	94	Xuất sắc
52	B2100761	Hồng Quốc Vinh	26/09/2003		NN2108A3	Công nghệ thực phẩm	3,73	Xuất sắc	92	Xuất sắc
53	B2100694	Thạch Thị Ngọc Ánh	13/09/2003	N	NN2108A1	Công nghệ thực phẩm	3,71	Xuất sắc	93	Xuất sắc
54	B2107407	Huỳnh Thị Gấm	24/04/2003	N	NN2108A2	Công nghệ thực phẩm	3,71	Xuất sắc	87	Tốt
55	B2107406	Nguyễn Bình Đăng	07/01/2003		NN2108A2	Công nghệ thực phẩm	3,7	Xuất sắc	91	Xuất sắc
56	B2107448	Đoàn Thị Hoài Ngọc	08/10/2003	N	NN2108A3	Công nghệ thực phẩm	3,7	Xuất sắc	83	Tốt
57	B2107418	Hồng Diệp Vân Nhi	16/03/2003	N	NN2108A2	Công nghệ thực phẩm	3,69	Xuất sắc	98	Xuất sắc
58	B2100734	Trần Thị Thanh Thảo	25/01/2003	N	NN2108A2	Công nghệ thực phẩm	3,69	Xuất sắc	96	Xuất sắc
59	B2107429	Lâm Thị Huyền Trân	13/01/2003	N	NN2108A2	Công nghệ thực phẩm	3,69	Xuất sắc	96	Xuất sắc
60	B2107441	Trần Thị Diễm Hân	07/06/2003	N	NN2108A3	Công nghệ thực phẩm	3,69	Xuất sắc	90	Xuất sắc
61	B2107034	Trần Bảo Trân	29/11/2003	N	NN2108A1	Công nghệ thực phẩm	3,69	Xuất sắc	89	Tốt
62	B2107446	Nguyễn Thị Như Muội	25/03/2003	N	NN2108A3	Công nghệ thực phẩm	3,68	Xuất sắc	82	Tốt
63	B2100748	Lại Diễm My	02/07/2003	N	NN2108A3	Công nghệ thực phẩm	3,67	Xuất sắc	95	Xuất sắc
64	B2107036	Lữ Thị Mỹ Tiên	28/02/2003	N	NN2108A3	Công nghệ thực phẩm	3,67	Xuất sắc	91	Xuất sắc
65	B2100715	Phan Trần Ngọc Vy	03/10/2003	N	NN2108A1	Công nghệ thực phẩm	3,66	Xuất sắc	94	Xuất sắc
66	B2107428	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	19/01/2003	N	NN2108A2	Công nghệ thực phẩm	3,66	Xuất sắc	84	Tốt
67	B2107453	Lê Thị Hồng Nhung	07/05/2003	N	NN2108A3	Công nghệ thực phẩm	3,65	Xuất sắc	92	Xuất sắc
68	B2107460	Trương Anh Thư	15/02/2003	N	NN2108A3	Công nghệ thực phẩm	3,63	Xuất sắc	91	Xuất sắc
69	B2100756	Mã Thị Thanh Thảo	24/12/2003	N	NN2108A3	Công nghệ thực phẩm	3,62	Xuất sắc	84	Tốt
70	B2107465	Phạm Hoàng Phương Uyên	18/02/2003	N	NN2108A3	Công nghệ thực phẩm	3,61	Xuất sắc	81	Tốt
71	B2100728	Đặng Thị Thanh Ngọc	08/01/2003	N	NN2108A2	Công nghệ thực phẩm	3,58	Giỏi	94	Xuất sắc

TT	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Điểm TB	XLHL	Điểm RL	XLRL
72	B2100726	Huỳnh Tú Mỹ	23/10/2003	N	NN2108A2	Công nghệ thực phẩm	3,58	Giỏi	86	Tốt
73	B2107422	Nguyễn Thị Mỹ Phụng	26/06/2003	N	NN2108A2	Công nghệ thực phẩm	3,57	Giỏi	80	Tốt
74	B2107431	Lê Thị Uyển Trinh	10/09/2003	N	NN2108A2	Công nghệ thực phẩm	3,56	Giỏi	84	Tốt
75	B2100731	Lý Thị Hàn Ni	21/09/2003	N	NN2108A2	Công nghệ thực phẩm	3,55	Giỏi	82	Tốt
76	B2100733	Lê Thị Thu Thảo	16/09/2003	N	NN2108A2	Công nghệ thực phẩm	3,54	Giỏi	84	Tốt
77	B2107368	Lê Trọng Anh	31/08/2003		NN2108A1	Công nghệ thực phẩm	3,53	Giỏi	83	Tốt
78	B2100735	Trần Phạm Anh Thư	07/07/2003	N	NN2108A2	Công nghệ thực phẩm	3,52	Giỏi	88	Tốt
79	B2107371	Trương Nguyễn Danh	15/04/2003		NN2108A1	Công nghệ thực phẩm	3,52	Giỏi	88	Tốt
80	B2107395	Trần Thị Hoài Thương	10/11/2003	N	NN2108A1	Công nghệ thực phẩm	3,5	Giỏi	82	Tốt
81	B2107462	Lê Thị Bảo Trân	28/07/2003	N	NN2108A3	Công nghệ thực phẩm	3,5	Giỏi	82	Tốt
82	B2100711	Huỳnh An Thuận	15/09/2003		NN2108A1	Công nghệ thực phẩm	3,48	Giỏi	83	Tốt
83	B2107432	Trương Thị Cẩm Tú	30/05/2003	N	NN2108A2	Công nghệ thực phẩm	3,45	Giỏi	88	Tốt
84	B2107404	Lê Phúc Duy	07/08/2003		NN2108A2	Công nghệ thực phẩm	3,44	Giỏi	85	Tốt
85	B2107384	Phan Thị Thảo Nguyên	04/07/2003	N	NN2108A1	Công nghệ thực phẩm	3,43	Giỏi	94	Xuất sắc
86	B2107451	Hứa Tuyết Nhi	11/03/2003	N	NN2108A3	Công nghệ thực phẩm	3,43	Giỏi	80	Tốt
87	B2107461	Trương Thị Thanh Trang	15/11/2003	N	NN2108A3	Công nghệ thực phẩm	3,43	Giỏi	80	Tốt
88	B2107389	Nguyễn Trí Phúc	18/09/2003		NN2108A1	Công nghệ thực phẩm	3,42	Giỏi	89	Tốt
89	B2107392	Trần Thị Ngọc Thanh	26/11/2003	N	NN2108A1	Công nghệ thực phẩm	3,41	Giỏi	88	Tốt
90	B2100738	Thái Minh Tùng	28/01/2003		NN2108A2	Công nghệ thực phẩm	3,41	Giỏi	87	Tốt
91	B2100746	Tạ Nhã Linh	11/03/2003	N	NN2108A3	Công nghệ thực phẩm	3,41	Giỏi	81	Tốt
92	B2107399	Nguyễn Đoàn Minh Tuyết	16/09/2003	N	NN2108A1	Công nghệ thực phẩm	3,4	Giỏi	82	Tốt
93	B2100707	Nguyễn Thị Huỳnh Như	05/02/2003	N	NN2108A1	Công nghệ thực phẩm	3,4	Giỏi	81	Tốt
94	B2107442	Quách Hoàng Huy	05/10/2003		NN2108A3	Công nghệ thực phẩm	3,39	Giỏi	93	Xuất sắc
95	B2107035	Phan Hà Bảo Ngọc	05/08/2003	N	NN2108A2	Công nghệ thực phẩm	3,39	Giỏi	90	Xuất sắc
96	B2107435	Mai Thị Kim Chi	09/04/2003	N	NN2108A3	Công nghệ thực phẩm	3,39	Giỏi	82	Tốt
97	B2100754	Kim Sô Sa Pho	30/08/2003		NN2108A3	Công nghệ thực phẩm	3,38	Giỏi	90	Xuất sắc
98	B2100739	Huỳnh Thị Mỹ Yến	01/12/2003	N	NN2108A2	Công nghệ thực phẩm	3,38	Giỏi	84	Tốt

TT	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Điểm TB	XLHL	Điểm RL	XLRL
99	B2107454	Đỗ Hoàn Mỹ Phúc	03/10/2003	N	NN2108A3	Công nghệ thực phẩm	3,38	Giỏi	80	Tốt
100	B2100705	La Ngọc Nhạn	03/09/2003	N	NN2108A1	Công nghệ thực phẩm	3,37	Giỏi	82	Tốt
101	B2107449	Võ Thị Như Ngọc	05/06/2003	N	NN2108A3	Công nghệ thực phẩm	3,36	Giỏi	94	Xuất sắc
102	B2107398	Nhan Nam Tấn Triệu	21/01/2003		NN2108A1	Công nghệ thực phẩm	3,35	Giỏi	92	Xuất sắc
103	B2107445	Nguyễn Ngọc Liễu	24/03/2002	N	NN2108A3	Công nghệ thực phẩm	3,34	Giỏi	90	Xuất sắc
104	B2107411	Diệp Hoàng Khải	13/06/2003		NN2108A2	Công nghệ thực phẩm	3,34	Giỏi	82	Tốt
105	B2107463	Trần Thị Quế Trân	09/05/2003	N	NN2108A3	Công nghệ thực phẩm	3,34	Giỏi	80	Tốt
106	B2107400	Nguyễn Thái Vũ	27/12/2003		NN2108A1	Công nghệ thực phẩm	3,33	Giỏi	92	Xuất sắc
107	B2107443	Võ Văn Huỳnh	22/02/2003		NN2108A3	Công nghệ thực phẩm	3,33	Giỏi	89	Tốt
108	B2107403	Lâm Cao Cường	28/11/2002		NN2108A2	Công nghệ thực phẩm	3,33	Giỏi	85	Tốt
109	B2100747	Lương Thị Ngọc Lý	11/02/2003	N	NN2108A3	Công nghệ thực phẩm	3,33	Giỏi	84	Tốt
110	B2107425	Nguyễn Thị Phương Thảo	04/10/2003	N	NN2108A2	Công nghệ thực phẩm	3,27	Giỏi	87	Tốt
111	B2107440	Huỳnh Nguyễn Sơn Hà	05/09/2003		NN2108A3	Công nghệ thực phẩm	3,27	Giỏi	85	Tốt
112	B2107387	Nguyễn Thị Quyển Nhi	24/09/2003	N	NN2108A1	Công nghệ thực phẩm	3,27	Giỏi	82	Tốt
113	B2107388	Trâm Lâm Huỳnh Như	11/06/2003	N	NN2108A1	Công nghệ thực phẩm	3,25	Giỏi	84	Tốt
114	B2107464	Nguyễn Thanh Tuấn	09/12/2003		NN2108A3	Công nghệ thực phẩm	3,25	Giỏi	80	Tốt
115	B2100714	Son Thị Ngọc Tuyền	03/02/2003	N	NN2108A1	Công nghệ thực phẩm	3,21	Giỏi	91	Xuất sắc

Danh sách có **115** sinh viên./.